|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND |  *Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2023* |

DỰ THẢO 2

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người trực tiếp**

**tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**

**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**KHÓA XIX KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung bởi: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ….; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định:

a) Chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

b) Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

c) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

3. Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi ở cấp xã.

4. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi.

5. Các chức danh ở thôn, tổ dân phố: Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã**

1. Chức danh, mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

| **TT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp***(so với mức lương cơ sở)* |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính****cấp xã loại I** | **Đơn vị hành chính****cấp xã loại II** | **Đơn vị hành chính****cấp xã** **loại III** |
| 1 | Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự | 1,28 | 1,23 | 1,21 |
| 2 | Văn phòng Đảng ủy |
| 3 | Nhân viên khuyến nông, lâm, ngư nghiệp |
| 4 | Phó Chủ nhiệm nhà văn hóa; phụ trách Đài truyền thanh |
| 5 | Nhân viên thú y |
| 6 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 1,03 | 0,99 | 0,97 |
| 7 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ | 0,91 | 0,87 | 0,85 |
| 8 | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc |
| 9 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh |
| 10 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ |
| 11 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân |
| 12 | Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh |
| 13 | Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy |

2. Đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

3. Căn cứ số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giao hằng năm, mỗi chức danh quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí một người đảm nhiệm, trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Ngoài phụ cấp hằng tháng và các khoản phụ cấp quy định tại Nghị quyết này, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng các khoản phụ cấp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 4. Kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

1. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố hoặc kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

**Điều 5. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

Mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân loại thôn, tổ dân phố, số hộ gia đình và yếu tố đặc thù:

1. Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại thôn,****tổ dân phố** | **Chức danh** |
| ***Bí thư Chi bộ*** | ***Trưởng thôn;******Tổ trưởng******tổ dân phố*** | ***Trưởng*** ***Ban công tác******mặt trận*** |
| 1 | Loại 1 | 1,20 | 1,20 | 0,82 |
| 2 | Loại 2 | 1,16 | 1,16 | 0,77 |
| 3 | Loại 3 | 1,14 | 1,14 | 0,72 |

2. Thôn, tổ dân phố còn lại:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại thôn, tổ dân phố** | **Chức danh** |
| ***Bí thư Chi bộ*** | ***Trưởng thôn;*** ***Tổ trưởng******Tổ dân phố*** | ***Trưởng******Ban công tác******mặt trận*** |
| 1 | Loại 1 | 1,18 | 1,18 | 0,77 |
| 2 | Loại 2 | 1,14 | 1,14 | 0,72 |
| 3 | Loại 3 | 1,12 | 1,12 | 0,67 |

**Điều 6. Mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh) theo phân loại đơn vị hành chính và theo khoảng cách từ trung tâm huyện, thành phố đến trung tâm xã, phường, thị trấn như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức khoán kinh phí/năm/tổ chức***(đơn vị tính: đồng)* |
| **Đơn vị****hành chính****cấp xã****loại I** | **Đơn vị****hành chính****cấp xã****loại II** | **Đơn vị hành chính****cấp xã****loại III** |
| **1** | **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (*thành phố*) dưới 15 km** |
| 1.1 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 7.200.000 | 6.700.000 | 6.200.000 |
| 1.2 | Các tổ chức chính trị - xã hội | 7.000.000 | 6.500.000 | 6.000.000 |
| **2** | **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (*thành phố*) từ 15 km đến dưới 30 km** |
| 2.1 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 8.400.000 | 7.800.000 | 7.200.000 |
| 2.2 | Các tổ chức chính trị - xã hội | 8.200.000 | 7.600.000 | 7.000.000 |
| **3** | **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (*thành phố*) từ 30 km trở lên** |
| 3.1 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 9.600.000 | 8.900.000 | 8.200.000 |
| 3.2 | Các tổ chức chính trị - xã hội | 9.400.000 | 8.700.000 | 8.000.000 |

**Điều 7. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

Mức hỗ trợ hàng tháng cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này là 250.000 đồng/người/tháng.

**Điều 8. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

Chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 9. Khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

1. Mức khoán kinh phí hoạt động: 20.000.000 đồng/năm/thôn, tổ dân phố.

2. Nội dung chi của mức khoán kinh phí hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Chi các nội dung theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này.

b) Chi các hoạt động khác.

**Điều 10. Quy định chuyển tiếp**

1. Mức hỗ trợ Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao là 250.000 đồng/người/tháng.

2. Mức phụ cấp đối với chức danh Công an viên (ở thôn thuộc xã, tổ dân phố thuộc thị trấn); Bảo vệ dân phố so với mức lương cơ sở ở từng loại đơn vị hành chính cấp xã như sau:

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 0,65.

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 0,62.

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 0,60.

3. Mức phụ cấp đối với chức danh Nhân viên y tế:

a) Nhân viên y tế thôn (thôn thuộc các xã vùng khó khăn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

b) Nhân viên y tế thôn (thôn thuộc các xã còn lại) bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

c) Nhân viên y tế ở tổ dân phố bằng 0,2 lần mức lương cơ sở.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Điều 21 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày … tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;- Thường trực Tỉnh ủy;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Thường trực HĐND tỉnh;- Ủy ban nhân dân tỉnh;- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành tỉnh;- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;- Báo Tuyên Quang;- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;- Công báo Tuyên Quang;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;- Lưu: VT… | **CHỦ TỊCH****Lê Thị Kim Dung** |